HIỆP ĐỊNH

GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA VỀ VIỆC MIỄN THỊ THỰC HỘ CHIẾU CHO CÔNG DÂN HAI NƯỚC

Để phát triển thêm một bước quan hệ hữu nghị và tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của công dân hai nước, Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung hoa (dưới đây gọi tắt là Hai Bên ký kết) thông qua đàm phán hữu nghị trên nguyên tắc bình đẳng và ưu đãi lẫn nhau, đã thỏa thuận về vấn đề miễn thị thực như sau :

Điều 1

1. Công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông đi việc công có giá trị của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt nam và công dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung hoa mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông đi việc công có giá trị của nước Cộng hòa Nhân dân Trung hoa và những người cùng đi dùng chung một hộ chiếu với họ đều được miễn thị thực khi nhập cảnh, xuất cảnh và quá cảnh của Bên ký kết kia.

2. Người cùng đi nêu trong khoản 1 của Điều này chỉ giới hạn là vợ hoặc chồng hoặc con chưa đến tuổi thành niên của người mang hộ chiếu. Họ, tên, năm sinh và ảnh của người cùng đi phải được ghi và dán trong hộ chiếu chung.

Điều 2

Công dân của hai Bên ký kết nêu trong Điều 1 của Hiệp định này phải nhập cảnh, xuất cảnh hoặc quá cảnh qua những cửa khẩu mà Bên ký kết kia dành cho khách quốc tế và những cửa khẩu chính thức mà hai Bên ký kết đã thỏa thuận dành cho sự giao lưu của công dân hai nước và phải làm các thủ tục cần thiết theo quy định của cơ quan có thẩm quyền của Bên ký kết kia.

Công dân của một Bên ký kết trong thời gian lưu trú trên lãnh thổ của Bên ký kết kia phải tuân theo pháp luật và quy định của Bên ký kết kia, kể cả những quy định về đăng ký cư trú, hoạt động đối với người nước ngoài.

Điều 4

Những quan chức từ cấp thứ trưởng trở lên của Chính phủ Trung ương hoặc các sỹ quan quân đội từ cấp tướng trở lên của một Bên ký kết trước khi đi nước Bên ký kết kia về việc công, phải được sự đồng ý của nước đó qua đường ngoại giao hoặc thông báo cho cơ quan chủ quản tương ứng của nước đó.

Điều 5

1. Hiệp định này không hạn chế những quyền sau đây của hai Bên ký kết : từ chối những nhân viên không được hoan nghênh hoặc không thể tiếp nhận được của Bên ký kết kia đi vào lãnh thổ nước mình hoặc chấm dứt sự tạm trú của những nhân viên đó trên lãnh thổ của nước mình và không cần giải thích lý do.

2. Trong trường hợp chấm dứt thời hạn tạm trú Bên ký kết đó phải thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự của Bên ký kết kia.

Điều 6

1. Vì lý do an ninh quốc gia, trật tự công cộng, bệnh dịch, thiên tai, mỗi Bên ký kết có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần điều khoản của Hiệp định này nhưng trước khi áp dụng hoặc hủy bỏ những biện pháp nói trên, Bên ký kết đó cần thông báo kịp thời cho bên ký kết kia qua đường ngoại giao.

2. Sau khi trao đổi và đi tới thỏa thuận với nhau, hai Bên ký kết có thể bổ sung hoặc sửa đổi Hiệp định này bằng phương thức trao đổi công hàm.

Điều 7

1. Hai Bên ký kết sẽ trao đổi cho nhau các mẫu hộ chiếu nêu trong Điều 1 của Hiệp định này qua đường ngoại giao trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký Hiệp định này.

2. Trong thời gian Hiệp định này có hiệu lc, nếu một Bên ký kết muốn thay đổi mẫu các loại hộ chiếu ıi trên thì phải thông báo và cung cấp mẫu hộ chiếu mới cho Bê ký kết kia trước 30 ngày qua đường ngoại giao.

Điều 8

Hiệp định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng năm 1992.

Hiệp định này được ký kết với thời gian khi g hạn định.

Nếu một Bên ký kết muốn đình chỉ hiệu lực (a Hiệp định này phải thông báo cho Bên ký kết kia bằng công l m qua đường ngoại giao. Trong trường hợp đó Hiệp định sẽ mất iệu lực sau 90 ngày kể từ ngày thông báo.

Hiệp định này được ký tại Hà Nội ngày 14 tháng 2 năm 1992 và làm thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng ệt và tiếng Trung. Hai văn bản có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

NGUYỄN MẠNH CẦM

THAY T CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘ HÒA NHÂN DÂN
UNG HOA

IỀN KỲ THAM

二十七、中国与越南

互免持外交、公务、因公普通护照人员签证

协定生效日期：一九九二年三月十五日

中华人民共和国政府和越南社会主义共和国政府关于互免签证的协定

中华人民共和国政府和越南社会主义共和国政府（以下简称缔约双方）为进一步发展两国的友好关系，便利两国公民的往来，根据平等互惠原则，经过友好协商，就互免签证问题达成协议如下：

第一条

一、中华人民共和国持有效的中华人民共和国外交、公务、因公普通护照的公民和越南社会主义共和国持有效的越南社会主义共和国外交、公务、因公普通护照的公民，及其使用同一本护照的偕行人，在缔约另一方入境、出境或者过境免办签证。

二、本条第一款所述偕行人，仅限于护照持有人的配偶或者未成年子女。偕行人的姓名、出生日期和照片应当注明和贴在同一本护照内。

第 二 条

本协定第一条所述缔约双方公民，须从缔约另一方对国际旅客开放的口岸和经缔约双方议定为两国公民的交往而开设的正式口岸入境、出境或者过境，并应当依照该国主管机关的规定履行必要的手续。

第 三 条

缔约一方公民在缔约另一方境内逗留期间，应当遵守缔约另一方的法律和规章，包括有关外国人居留和活动的规定。

第 四 条

缔约一方的中央政府副部长级及以上职位的官员和军

通过外交途径征得该国的同意或者通报该国相应主管部门。

第 五 条

一、本协定不限制缔约双方的如下权力：拒绝不受欢迎或不可接受的缔约另一方人员进入本国领土或者终止其在本国领土上的逗留，并无须说明理由。

二、在终止逗留的情况下，缔约一方应通报缔约另一方的外交代表机关或领事机关。

第 六 条

一、由于国家安全、公共秩序、疫病、自然灾害的原因，缔约双方均可临时中止本协定的全部或部分条款，但在采取或取消上述措施前，缔约一方应当及时通过外交途径通知缔约另一方。

二、缔约双方经协商同意后，可采用互换照会的方式补充或修改本协定。

第 七 条

一、缔约双方应当在本协定签字之日起三十日内，通过外交途径交换本协定第一条所述护照样本。

二、在本协定有效期内，缔约一方如更新上述护照格式，应当提前三十日通过外交途径通知缔约另一方，并提供新护照样本。

第 八 条

本协定自一九九二年三月十五日起生效。

本协定无限期有效。

如缔约一方要求终止本协定，应当通过外交途径书面通知缔约另一方。在此情况下，本协定自通知之日起第九十日失效。